



MỘT SỐ KHUYẾN CÁO ĐỐI VỚI NHÀ THẦU KHI THAM GIA ĐẤU THẦU XÂY LẮP THEO CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Đặng Văn Dựa¹

Tóm tắt: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành một số văn bản liên quan đến đấu thầu, trong đó có Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT Quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp. Đây là một văn bản hướng dẫn rất tỉ mỉ, chi tiết giúp ích cho chủ đầu tư, tư vấn, nhà thầu rất nhiều. Nhưng, do các quy định về đấu thầu thay đổi quá lớn, có tính cách mạng, nên nhiều nội dung giải thích chưa rõ, còn khó hiểu, một số nội dung còn chưa thật thống nhất. Từ kinh nghiệm bản thân, tác giả đi sâu lập luận, lý giải một số điều trong Thông tư cho rõ hơn.

Từ khóa: Khuyến cáo nhà thầu; đấu thầu xây lắp theo văn bản mới.

Summary: The Ministry of Planning and Investment has recently issued a number of new legal documents on tendering including the Circular 03/2015/TT-BKHĐT detailing the preparation of construction and installation bidding documents. This is a useful and detailed guiding document for the need of construction parties, such as the owners, consultants and contractors. However, as the regulations on tendering have changed significantly and evolutionarily, some parts in this the related legal regulations are not clearly interpreted and difficult to understand, some contents are not consistent. Using personal experience, the author presents his arguments and explanations to better understand selected regulations.

Keywords: Recommendations for construction contractors, construction tendering in line with new regulations.

Nhận ngày 20/03/2016, chỉnh sửa ngày 3/05/2016, chấp nhận đăng 28/6/2016

1. Giới thiệu chung

Các năm 2013 đến 2015 là những năm Nhà nước Việt Nam ban hành thay thế một loạt văn bản pháp quy về doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đấu thầu... Các văn bản này thay đổi mạnh mẽ theo hướng Việt Nam hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Về lĩnh vực đấu thầu, Quốc hội đã thông qua Luật Đấu thầu 43/2013/QH13 tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội thứ 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2013; tiếp đó Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Để thi hành Luật và Nghị định về đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tích cực soạn thảo và ban hành một số thông tư hướng dẫn; trong đó có Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2015 Quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp. Đây là một sự cố gắng lớn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp các chủ đầu tư, tư vấn và nhà thầu làm tốt công việc của mình. Nhưng, do sự thay đổi quá lớn, có tính cách mạng từ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, nên một số chủ đầu tư, tư vấn và nhà thầu còn lúng túng. Theo kinh nghiệm bản thân đã tham gia đấu thầu một số gói thầu do WB, ADB tài trợ và quá trình nghiên cứu các văn bản của Việt Nam, tác giả đưa ra một số nội dung cần lưu ý.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn; phương pháp tổng hợp, phân tích kết hợp với phương pháp so sánh.

3. Nội dung

3.1 Những lợi ích, thuận lợi của nhà thầu khi tham gia đấu thầu xây lắp theo Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT và các văn bản pháp luật mới

3.1.1 Trách nhiệm của chủ đầu tư về cấp vốn và bàn giao mặt bằng được luật hóa

Theo điểm d và e khoản 1 Điều 7 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 đã khẳng định: “d) Nguồn vốn cho gói thầu được thu xếp theo tiến độ thực hiện gói thầu;... e) Bảo đảm bàn giao mặt bằng thi công theo tiến độ thực hiện gói thầu”[4]. Đây là điều rất quan trọng đối với nhà thầu khi tham gia tranh thầu, nếu 2 yếu tố trên được đảm bảo thì các đề xuất về phương án nhân sự, phương án kỹ thuật-công nghệ và phương án tài chính mới có tính khả thi. Nếu 2 nội dung này được chủ đầu tư đảm bảo bằng “giấy Đảm bảo” từ ngân hàng như kiểu “Đảm bảo thực hiện hợp đồng” thì tính khả thi càng cao.

¹TS, Khoa Kinh tế và Quản lý Xây dựng. Trường Đại học Xây dựng. E-mail: duadhx@yaho.com.

3.1.2 Tăng thời gian làm hồ sơ dự thầu (HSDT) và quy định hợp lý thời điểm phát hành hồ sơ mời thầu

Theo điểm b khoản 1 điều 12 Luật Đấu thầu, hồ sơ mời thầu (HSMT) sẽ được phát hành sau 3 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo đầu tiên và khoản e): “Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 20 ngày đối với đấu thầu trong nước và 40 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu”[4]. Nếu so với quy định cũ thì thời gian làm HSDT sẽ tăng được 5 ngày đối với đấu thầu trong nước và 10 ngày đối với đấu thầu quốc tế; việc phát hành HSMT sau 3 ngày đăng thông báo đầu tiên là hợp lý.

3.1.3 Không yêu cầu nhà thầu trình bày phần chiết tính từng đơn giá trong hồ sơ dự thầu

Việc xây dựng đơn giá cho từng công việc chào thầu thế nào, hoàn toàn là việc của nhà thầu, bên mời thầu không can thiệp. Đây là một sự thay đổi lớn, vì khối lượng phần chiết tính đơn giá là phần chiếm nhiều trang nhất của hồ sơ dự thầu (HSDT) trước đây. Giờ đây, không phải thể hiện trong HSDT, đây là phần giảm tải đáng kể khối lượng in ấn HSDT cho các nhà thầu. Tất nhiên, khi xây dựng đơn giá dự thầu, nhà thầu phải căn cứ vào loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng yêu cầu cho phù hợp. Khi đánh giá HSDT, nếu thấy đơn giá nào bất thường thì bên mời thầu mời nhà thầu giải trình, nếu giải trình không hợp lý thì bên mời thầu đưa vào phần hiệu chỉnh sai lệch.

3.1.4 Mở rộng phương thức đấu thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ cho cả gói xây lắp và mua sắm hàng hóa

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 đã cho phép lựa chọn nhà thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT có đầy đủ 2 loại hồ sơ mời thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ và một giai đoạn hai túi hồ sơ. Theo phương thức này, các nhà thầu không lo bị chủ đầu tư, bên mời thầu chấm điểm kỹ thuật chịu sự tác động của giá dự thầu và khi đánh giá HSDT theo phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, thì yếu tố kỹ thuật của từng HSDT cũng được kể đến trong điểm đánh giá cuối cùng.

3.2 Các nhà thầu cần chú ý những nội dung mới khi làm Hồ sơ dự thầu**3.2.1 Một số chú ý khi tính toán các chi phí trong phần Hạng mục chung (trong Mẫu số 20; trang 105 đến 110 TT 03/2015)**

Phần Hạng mục chung trong đấu thầu gói thầu xây lắp là một điều mới mẻ đối với nhà thầu và cả đối với các chủ đầu tư, tư vấn đấu thầu. Đây là một khoản quy định rõ ràng trong HSMT nhằm giúp nhà thầu được bù đắp những chi phí thực tế phải chi trong quá trình thực hiện gói thầu. Các thành phần trong phần Hạng mục chung sẽ được Bên mời thầu liệt kê trong HSMT. Căn cứ vào các thành phần này, nhà thầu lập chi phí cho từng khoản mục. Sau đây là một số lưu ý khi xác định các thành phần trong phần Hạng mục chung.

- Đối với khoản mục chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng (mục 1 của Hạng mục chung): Khoản này, nhà thầu không đưa toàn bộ giá trị bảo lãnh theo yêu cầu của HSMT, mà chỉ đưa phí nhà thầu phải chịu với ngân hàng phát hành bảo lãnh, theo công thức:

$$C_{BLHD} = S_{BL} \cdot f_{BL} \cdot t \tag{1}$$

trong đó: C_{BLHD} là phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng; S_{BL} là số tiền yêu cầu nhà thầu nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng; f_{BL} là tỉ lệ phần trăm thu phí bảo lãnh một năm (theo quy định của ngân hàng); t là thời gian bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của HSMT, tính theo năm.

Còn khoản thiệt hại hàng năm trong thời gian bảo lãnh của số tiền ký quỹ (số tiền này tùy thuộc vào mức tín nhiệm của nhà thầu với ngân hàng phát hành Thư bảo lãnh, có thể từ mức 0% đến 100% số tiền bảo lãnh) sẽ được nhà thầu kể đến khi xác định lợi nhuận gói thầu, để bù đắp lại.

- Bảo hiểm công trình đối với phần thuộc trách nhiệm của nhà thầu (mục 2 của Hạng mục chung): Các công trình thông thường hầu hết trong HSMT không yêu cầu nhà thầu nộp khoản này. Nếu HSMT có yêu cầu thì nhà thầu sẽ tính toán tùy theo mức yêu cầu Bảo hiểm nêu trong HSMT.

- Chi phí bảo hiểm thiết bị của nhà thầu (mục 3 của Hạng mục chung) và Bảo hiểm trách nhiệm bên thứ ba (mục 4 của Hạng mục chung): Ở mục này theo tác giả cần đưa thêm một mục quan trọng nữa là Bảo hiểm người lao động của nhà thầu mới đầy đủ. Tùy theo mức mua bảo hiểm khác nhau mà nhà thầu tính đủ vào các khoản mục này.

- Chi phí bảo trì công trình (mục 5 của Hạng mục chung): Đây là khoản mục Bảo hành công trình, không phải là bảo trì công trình; vì trách nhiệm bảo trì thuộc chủ đầu tư, còn trách nhiệm bảo hành là của nhà sản xuất-nhà thầu. Hơn nữa, trong mục 5 bảng Tổng hợp giá dự thầu (trang 105) ghi khối lượng mời thầu là 12 tháng. Khoản mục này tính tương tự như công thức (1).

- Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công; Chi phí dọn dẹp công trường khi hoàn thành; Chi phí làm đường tránh; Chi phí di chuyển thiết bị thi công và lực lượng lao động đến công trường (mục 6 và 7): Nhà thầu



tiến hành lập dự toán trên cơ sở thiết kế tổ chức thi công và đơn giá của nhà thầu. Ví dụ: Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công được tính theo khối lượng nhà tạm các loại theo thiết kế thi công của nhà thầu; đơn giá tương ứng và đơn giá thu hồi (nếu có).

$$C_t = \sum_{j=1}^n F_j \cdot (g_j - g_j^{thu.hoi}) \tag{2}$$

trong đó: C_t là tổng chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công, có trừ giá trị thu hồi; F_j là quy mô xây dựng nhà tạm loại j (m^2 sàn XD); g_j là đơn giá xây dựng loại nhà tạm loại j ($đ/m^2$ sàn XD có thuế GTGT); $g_j^{thu.hoi}$: Đơn giá thu hồi loại nhà tạm loại j ($đ/m^2$ sàn XD có thuế GTGT);

3.2.2 Bảng kê công nhật (dayworks)

Đây là một nội dung rất mới đối với các nhà thầu Việt Nam chưa tham gia đấu thầu quốc tế. Thực chất, đây là một giải pháp thông minh để xử lý mối quan hệ chủ đầu tư và nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng sau này. Chất lượng đầu việc ở Bảng công nhật nêu trong HSMT phụ thuộc nhiều vào kiến thức và kinh nghiệm của tư vấn lập HSMT. Trước kia, khi không có mục này, mỗi khi có phát sinh (vì chưa có đơn giá), nhà thầu và chủ đầu tư lại phải ngồi với nhau thống nhất đơn giá, lập báo cáo, xin phê duyệt cơ quan có thẩm quyền, vừa bị động, vừa mất thời gian. Đây cũng là một khoản mục khá khó hiểu, chủ đầu tư và nhà thầu cần tìm hiểu kỹ để kê khai phù hợp. Một điều cần chú ý, khi xây dựng đơn giá cho từng phần công nhật (kể cả phần công nhật nhân công, công nhật vật liệu và công nhật máy thi công), nhà thầu phải tính toán đầy đủ các khoản chi phí cần thiết cả trực tiếp, cả chi phí quản lý, lợi nhuận của nhà thầu, giám sát, bảo hiểm. Khoản mục này, theo Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT quy định: “Giá dự thầu cho phần công nhật được kết chuyển vào phần Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh các HSDT” [4]. Đối với quy định của WB, ADB thì khoản này không tách riêng trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh HSDT, quy định này làm cho nhà thầu phải cân nhắc cẩn thận hơn đơn giá của các việc công nhật, nếu chào bừa đơn giá phần này có thể bị trượt oan vì một nhóm khối lượng công việc danh định. Còn theo quy định của Việt Nam, nhà thầu có thể chào đơn giá phần Công nhật tùy ý, thậm chí có thể lợi dụng ghi đơn giá cao, nếu dự đoán Công nhật nào đó sẽ phát sinh nhiều khi thực hiện gói thầu.

3.3 Những nội dung chưa nhất quán và chưa thật rõ của văn bản pháp luật

3.3.1 Khoản 4 điều 5 của Thông tư không nhất quán với các biểu mẫu số 20 (b) kèm theo

Trong khoản 4 điều 5 của Thông tư 03/2015/TT-BKHĐT nêu “Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, khi đánh giá hồ sơ dự thầu về tài chính, thương mại thì chi phí dự phòng sẽ không được xem xét, đánh giá so sánh, xếp hạng nhà thầu...” [1]. Nghĩa là cả 2 loại hợp đồng, cả 2 phần dự phòng đều bỏ ra ngoài khi so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Nhưng trong Mẫu số 20 (b) và 20 (c) trang 108 đến 111 của Thông tư thì Bảng tổng hợp giá dự thầu loại hợp đồng theo đơn giá cố định chỉ có dự phòng phí phát sinh khối lượng là không đưa vào so sánh, xếp hạng nhà thầu. Như trích dẫn dưới đây.

Mẫu số 20 (b)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định)

Hạng mục số	Mô tả công việc mời thầu ⁽¹⁾	Yêu cầu kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật	Trang số	Số tiền
I	Các hạng mục			A
1	Hạng mục 1: Hạng mục chung (Công việc cụ thể của hạng mục này quy định tại Bảng số 01)			
2	Hạng mục 2: Công tác đất (Công việc cụ thể của hạng mục này quy định tại Bảng số 02)			
...	...			
II	Chi phí dự phòng (B1 + B2)			B
1	Chi phí dự phòng cho các khoản tạm tính (B1.1 + B1.2)			B1

1.1	Chi phí công nhật			B1.1
1.2	Chi phí cho các khoản tạm tính khác			B1.2
2	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh: $B2 = b2\% \times A$		b2%	B2
Giá dự thầu (A + B) (Kết chuyển sang đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính, trang số)				

Nghĩa là khi lựa chọn nhà thầu theo loại hợp đồng đơn giá cố định, khi đánh giá hồ sơ dự thầu về tài chính, thương mại, việc xem xét, đánh giá so sánh, xếp hạng nhà thầu chỉ xét mục A trong Bảng 20 (b).

Về bản chất: đơn giá dự thầu của Hợp đồng theo đơn giá cố định phải chứa đựng yếu tố trượt giá trong thời gian thực hiện gói thầu. Khi xây dựng đơn giá dự thầu cho từng công việc dự thầu, nhà thầu phải lấy đơn giá các yếu tố đầu vào trong vòng 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định nhân với hệ số trượt giá của từng yếu tố đầu vào trực tiếp hoặc hệ số trượt giá bình quân cho từng công việc hoặc bình quân cho tất cả các công việc.

Còn Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, nhà thầu lấy đơn giá các yếu tố đầu vào trong vòng 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định để xây dựng đơn giá dự thầu của từng công việc mời thầu. Nên giá dự thầu khi đánh giá hồ sơ dự thầu về tài chính, thương mại thì chi phí dự phòng (cả 2 loại) sẽ không được xem xét, đánh giá so sánh, xếp hạng nhà thầu, như Mẫu số 20 (c) trích dẫn dưới đây. Nghĩa là cũng chỉ xem xét mục A trong Bảng 20 (c).

Mẫu số 20 (c)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

Hạng mục số	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật	Trang số	Số tiền
I	Các hạng mục			A
1	Hạng mục 1: Hạng mục chung (Công việc cụ thể của hạng mục này quy định tại Bảng số 01)			
2	Hạng mục 2: Công tác đất (Công việc cụ thể của hạng mục này quy định tại Bảng số 02)			
...			
II	Chi phí dự phòng (B1 + B2 + B3)			B
1	Chi phí dự phòng cho các khoản tạm tính (B1.1 + B1.2)			B1
1.1	Chi phí công nhật			B1.1
1.2	Chi phí cho các khoản tạm tính khác			B1.2
2	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh: $B2 = b2\% \times A$		b2%	B2
3	Chi phí dự phòng trượt giá: $B3 = b3\% \times A$		b3%	B3
Giá dự thầu (A + B) (Kết chuyển sang đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính, trang số)				

3.3.2 Nghị định 63/2014/NĐ-CP còn một số nội dung chưa rõ

+ Theo điểm a khoản 2 Điều 17 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP: “Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá

tương ứng trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch;” [2]. Nếu hiểu theo về thứ hai của câu trên, thì “giá trị phần chào thầu” chỉ trừ đi “mức đơn giá thương ứng” của chính nhà thầu chào thầu, chứ không phải trừ đi “giá trị phần chào thầu”. Theo tác giả, “phần giá trị chào thầu” (có thể là phần trong hồ sơ thiết kế kèm theo thì có, nhưng trong hồ sơ mời thầu không có), khi đánh giá hồ sơ dự thầu sẽ bỏ đi hoặc chuyển sang “phần kiến nghị mời thầu thiếu” của nhà thầu, phần này sẽ được bên mời thầu trao đổi khi thương thảo, nếu nhà thầu đó được xếp hạng số một. Vì vậy, kiến nghị sửa đổi điểm a khoản 2 điều 17 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP như sau: “Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thầu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thầu sẽ được bỏ đi trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu có sai lệch;”

+ Theo điểm b khoản 4 Điều 14 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP: “Việc mở thầu được thực hiện đối với từng hồ sơ dự thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu...”. Tên của nhà thầu theo Luật Doanh nghiệp thường gồm 2 đến 3 thành tố: thành tố thứ nhất là loại hình doanh nghiệp; thành tố thứ hai: loại sản phẩm/dịch vụ chính và thành tố thứ ba: tên riêng. Vì vậy, cần có văn bản hướng dẫn kỹ hơn là: mở thầu tự theo chữ cái tên riêng của nhà thầu, nếu trùng tên riêng thì lấy thành tố thứ hai, nếu thành tố thứ hai trùng thì xét thành tố thứ ba; mặt khác tên riêng thì tên theo số 1,2,3,... trước A,B,C, để tránh tranh cãi trong mở thầu.



4. Kết luận

Đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây lắp là một cuộc thi khắc nghiệt nhất trong các cuộc thi tuyển, vì chỉ chọn số 1. Vì vậy, người viết HSMT và người lập HSDT phải hiểu và nắm vững chắc các văn bản pháp luật đến từng câu từng chữ để không có sai sót dù nhỏ, đáng tiếc dẫn đến trượt thầu hoặc kiện tụng nhau. Văn bản pháp luật hiện hành về đấu thầu có nhiều điểm mới, đối với nhà thầu cần chú ý (1) Đọc kỹ các quy định pháp luật có liên quan để tránh sai sót dù nhỏ nhất; (2) Không phải trình bày phần chiết tính đơn giá các công việc mời thầu; (3) Thời gian làm HSDT được tăng lên, dù vậy, nhà thầu không được chủ quan, vẫn coi trọng công tác lập kế hoạch tỉ mỉ làm HSDT để có được HSDT tốt nhất khi nộp; (4) Cần nắm vững bản chất các thành phần chi phí trong phần Hạng mục chung và Bảng kê công nhật để tính toán phù hợp; (5) Cần phân biệt hai loại hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh để xác định giá dự thầu khi đánh giá hồ sơ dự thầu về tài chính, thương mại khi xem xét, đánh giá so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06/05/2015 Quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp.*
2. Chính phủ, *Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 /06/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.*
3. Nguyễn Văn Chơn (1999), *Quản lý nhà nước về kinh tế và quản trị kinh doanh trong xây dựng*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.
4. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, *Luật Đấu thầu 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013.*